TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI – TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày 11-4-2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng, bà Đoàn Thị Oanh.

- Thư ký phiên toà*:* Ông Nguyễn Tiến Giang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Quang Hòa và ông Hoàng Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11-4-2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-DS, ngày 15-01-2024, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 25-3-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị B, sinh năm 197x.

Địa chỉ: Số nhà x, đường HHT, tổ x, phường NTH, thành phố YB, tỉnh YB

2. Bị đơn: Ông Lăng Đức H, sinh năm 197x.

Nơi thường trú: Tổ x, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh YB.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt và đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12-01-2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị B trình bày:

Ông Lăng Đức H là giám đốc Công ty TNHH Thương mại NT- nơi chồng bà là ông Trần Đắc V làm thủ kho. Bà Nguyễn Thị H1 là vợ của ông Lăng Đức H.

Do cần tiền để kinh doanh nên ông H có nhờ bà vay bà H1 số tiền 500.000.000 đồng. Bà không hiểu vì lý do gì mà ông H và bà H1 tuy là vợ chồng nhưng ông H không trực tiếp hỏi tiền từ vợ lại phải nhờ bà đứng ra vay tiền bà H1. Vì mối quan hệ khi đó chồng bà đang là nhân viên của ông H nên bà đã đồng ý đi vay tiền của bà H1 để cho ông H vay. Ngày 14-7-2017, bà đã vay của bà H1 số tiền 500.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền và thỏa thuận về lãi, thời hạn trả tiền là tháng 02-2018. Khi vay tiền của bà H1, bà không nói cho bà H1 biết việc ông H nhờ bà vay tiền của bà H1 và bà H1 cũng không hỏi bà mục đích vay là gì.

Sau khi nhận được tiền từ bà H1, ngày 15-7-2017, tại nhà riêng của bà, bà đã đưa số tiền 500.000.000 đồng cho ông H và giữa các bên đã viết với nhau 01 giấy biên nhận nhận tiền có nội dung: Ông H có nhận của bà số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi hàng tháng của 200.000.000 đồng là 1%/tháng và của 300.000.000 đồng là 1,5%/ tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Ông H có trách nhiệm thanh toán cho bà lãi hàng tháng để bà trả cho bà H1. Trong trường hợp ông H không thanh toán đúng hạn vì bất cứ lý do gì thì ông H phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về số tiền 500.000.000 đồng với bà Nguyễn Thị H1.

Quá trình thực hiện thỏa thuận ông H đã trả tiền lãi và tiền gốc cụ thể:

- Tiền gốc đã trả vào ngày 13-9-2017 là 100.000.000 đồng.

- Ngày 03-12-2020, ông H đã trả lãi tháng 10-2020. Từ tháng 11-2020 đến nay ông H không trả bất kể khoản gốc, lãi nào.

Toàn bộ số tiền gốc và lãi hàng tháng ông H không trả trực tiếp cho bà mà đã nhờ kế toán công ty TNHH Thương mại NT là chị Nguyễn Thị Ttrực tiếp chuyển lại cho bà H1. Bà cho rằng bà H1 cũng không biết nguồn gốc của số tiền này là của ông H trả cho bà H1. Từ năm 2021, công ty TNHH NT chấm dứt hoạt động do giám đốc là ông Lăng Đức H vi phạm pháp luật hình sự nên nhân viên của công ty đã nghỉ việc. Đến nay, bà không còn bất cứ thông tin gì của chị Nguyễn Thị Thùy.

Tháng 11-2023, bà H1 khởi kiện bà tại Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả cho bà H1 số tiền 548.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính từ tháng 11-2020 đến tháng 12-2023 là 148.000.000 đồng.

Mặc dù về bản chất, sự việc bà vay tiền của bà H1 là vay hộ ông H và bà không được hưởng lợi bất kỳ khoản tiền nào từ việc cho ông H vay tiền nhưng do bà đã viết giấy vay tiền với bà H1 nên bà buộc phải gánh vác khoản nợ này. Do đó, tại Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, bà đã nhận trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho bà H1 số tiền 548.000.000 đồng. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận và đến nay Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái đã ra quyết định thi hành án theo yêu cầu đối với bà.

Vì lý do trên nên ngày 12-01-2024, bà đã làm đơn khởi kiện ông Lăng Đức H tại Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, đề nghị Tòa án buộc ông Lăng Đức H phải trả cho số tiền gốc còn nợ là 400.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 17-01-2020 đến ngày 17-12-2023 của số tiền 400.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng là: 400.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 35 tháng = 210.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai ngày 29-01-2024; biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 11-3-2024 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03-4-2024, bà B giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông Lăng Đức H phải trả cho bà số gốc còn nợ là: 400.000.000 đồng. Về lãi: Bà yêu cầu ông H phải trả lãi từ ngày 15-11-2020 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 11-4-2024) của số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01-3-2024, bị đơn ông Lăng Đức H trình bày:

Ông có quen biết bà Vũ Thị B thông qua ông Trần Đắc V- chồng bà B. Ông Việt khi đó là thủ kho của Công ty TNHH Thương mại NT do ông làm Giám đốc.

Ngày 15-7-2017, ông có vay của bà Vũ Thị B số tiền 500.000.000 đồng và có viết giấy biên nhận nhận tiền. Ông xác nhận giấy biên nhận nhận tiền ngày 15-7-2017 mà bà B đã giao nộp cho Tòa án là đúng, chữ ký trong giấy biên nhận nhận tiền là chữ ký của ông.

Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho bà B số tiền 400.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng, thời điểm tính lãi từ tháng 11-2020 đến ngày Tòa án ra quyết định, ông hoàn toàn nhất trí. Ông xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về khoản nợ này, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị H1.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 05-02-2024, bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà là vợ ông Lăng Đức H - bị đơn trong vụ án. Còn bà Vũ Thị B thì bà được ông H giới thiệu vợ chồng bà B là cổ đông của công ty TNHH Thương mại NT do ông H làm giám đốc.

Ngày 14-7-2017, bà B có vào nhà bà đặt vấn đề vay của bà số tiền 500.000.000 đồng với lý do là gia đình đang gặp khó khăn, hẹn đến tháng 02-2018 sẽ trả, lãi suất thỏa thuận lãi hàng tháng của 200.000.000 đồng là 1%/tháng và của 300.000.000 đồng là 1,5%/ tháng. Khi vay, giữa hai người viết với nhau 01 giấy vay tiền. Vào thời điểm bà B vay tiền bà, bà không biết mục đích sử dụng tiền vay thật sự là gì nhưng vì nể nang nên bà vẫn cho vay. Quá trình vay, bà B đã trả cho bà được 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi đến hết tháng 10-2020. Từ tháng 11-2020, bà B không trả cho bà thêm được khoản tiền gốc và lãi nào, bà đã nhiều lần yêu cầu bà B phải trả nhưng bà B đều không trả. Do đó, bà đã khởi kiện bà B tại Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái. Đến nay, vụ án do bà là người khởi kiện và bà Vũ Thị B là người bị kiện đã được giải quyết xong theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 01/2024/QĐCNHGT-DS ngày 05-01-2024.

Về việc bà B khởi kiện chồng bà là ông Lăng Đức H, yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả cho bà B số tiền gốc còn nợ là 400.000.000 đồng và lãi phát sinh của số tiền gốc là 400.000.000 đồng x 1%/tháng, thời điểm tính lãi từ tháng 11-2020 đến ngày Tòa án ra bản án, quyết định. Bà có ý kiến như sau: Việc bà B cho ông H vay tiền, bà hoàn toàn không biết vì ông H không hề bàn bạc với bà. Về việc ông H viết giấy biên nhận nhận tiền ngày 15-7-2017 với bà B có nội dung nhắc đến việc ông H phải trả lãi hàng tháng cho bà B để trả cho bà và trong trường hợp ông H không thanh toán đúng hạn cho bà B vì bất cứ lý do gì thì ông H hoàn toàn chịu trách nhiệm số tiền 500.000.0000 đồng với bà, bà không biết lý do tại sao họ lại thỏa thuận với nhau như vậy. Thực tế, bà không biết về sự tồn tại của giấy biên nhận nhận tiền này và bà cũng không nhận khoản tiền gốc hay lãi từ ông H trong suốt quá trình bà cho bà B vay tiền. Còn về khoản tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ khoản vay mà bà cho bà B vay, bà B đã trả cho bà cụ thể như sau: Lãi trong 02 tháng đầu bà nhận từ bà B; khoản tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi từ tháng thứ 3 là bà nhận từ chị Nguyễn Thị T- Kế toán của Công ty TNHH NT. Mỗi lần bà B trả tiền, hai người đều trao đổi qua điện thoại hoặc bà phải ký vào giấy xác nhận đã nhận tiền của bà B do chị Thùy đưa. Bà có hỏi lý do tại sao thì chị Thùy nói là bà B yêu cầu bà phải xác nhận như vậy. Do vậy, bà khẳng định bà

không biết gì về việc bà B cho ông H vay tiền. Ông H sử dụng khoản tiền vay của bà B vào mục đích gì, bà cũng không biết. Ông H cũng không sử dụng khoản tiền vay này nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, bà xác định bà không liên quan và không có nghĩa vụ đối với khoản vay này.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm:

* Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, các thành viên Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B, buộc ông Lăng Đức H phải trả cho bà Vũ Thị B số tiền gốc còn nợ là 400.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15-11-2020 đến ngày 11-4-2024 là: 400.000.000 đồng x 1%/tháng x 40 tháng 27 ngày = 163.600.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi mà ông H phải trả cho bà B là: 563.600.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết các vấn đề về án phí, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Hợp đồng được giao kết, thực hiện tại tổ 2, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái là nơi

thường trú của nguyên đơn. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

[1.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự và bà Nguyễn Thị H1 được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định được: Đây là khoản nợ riêng của ông Lăng Đức H với bà Vũ Thị B, bà H1 không biết và không liên quan đến khoản vay này. Bà B xác nhận không nói cho bà H1 biết về việc bà B cho ông H vay tiền và đề nghị Tòa án chỉ giải quyết mối quan hệ vay tài sản giữa bà với ông H. Ông H nhận chịu hoàn toàn trách nhiệm về khoản nợ này, không liên quan đến bà Nguyễn Thị H1. Căn cứ khoản 4 Điều 68; Điều 77 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xác định bà H1 không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người làm chứng trong vụ án.

[1.3] Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà B và ông H.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về hiệu lực của hợp đồng:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Ngày 15-7-2017, giữa bà Vũ Thị B và ông Lăng Đức H đã xác lập với nhau hợp đồng vay tài sản. Việc vay tài sản giữa các bên được thể hiện bằng giấy biên nhận nhận tiền, trong giấy biên nhận đã thể hiện rõ số tiền vay là 500.000.000 đồng và lãi suất; không thỏa thuận về thời hạn trả nợ và các bên đều đã ký nhận. Chủ thể giao kết hợp đồng là bà B và ông H đều có đủ năng lực hành vi dân sự; các bên tham gia ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện; thời điểm ký kết hợp đồng không có dấu hiệu bị lừa dối, ép buộc và không thuộc trường hợp giả tạo hoặc có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa bà B và ông H đã đảm bảo về mặt hình thức, nội dung theo quy định của pháp luật dân sự, hợp đồng đã có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

[2.2]. Về quá trình thực hiện hợp đồng và yêu cầu trả tiền gốc:

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B đã đảm bảo nghĩa vụ của bên cho vay, ông H chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Ông H đã trả cho bà B 100.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 13-9-2017 và đến nay, ông H không trả được cho bà B thêm khoản tiền nào nữa là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy

định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu trả tiền gốc của bà B là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu trả lãi, mức lãi suất và thời điểm tính lãi:

Về yêu cầu trả lãi và mức lãi suất: Theo nội dung giấy biên nhận nhận tiền đã ký giữa bà B và ông H thì đây là hợp đồng vay tài sản có lãi. Theo đó, các bên thỏa thuận lãi hàng tháng của số tiền 200.000.000 đồng là 1%/tháng; lãi của số tiền 300.000.000 đồng là 1,5%/tháng. Do đó, yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền gốc 400.000.000 đồng của bà B là có căn cứ. Quá trình giải quyết, tại biên bản ghi lời khai ngày 29-01-2024, bà B yêu cầu tính lãi 1%/tháng đối với số tiền gốc chưa trả là hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho ông H và không vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi từ ngày 15-11-2020 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 11-4-2024) đối với số tiền gốc 400.000.000 đồng: Theo thỏa thuận giữa các bên trong giấy biên nhận nhận tiền thì hàng tháng, ông H phải thanh toán tiền lãi cho bà B. Ngày 03-12-2020, ông H đã trả lãi hết tháng 10-2020 và từ tháng 11-2020, ông H không trả thêm khoản tiền lãi nào cho bà B nữa. Do đó, yêu cầu tính lãi từ ngày 15-11-2020 đến ngày Tòa án xét xử của bà B là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B, buộc ông Lăng Đức H phải trả cho bà Vũ Thị B số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15-11-2020 đến ngày 11-4-2024 là: 400.000.000 đồng x 1%/tháng x 40 tháng 27 ngày = 163.600.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi mà ông H phải trả cho bà B là: 563.600.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 20.000.000 đồng + (4% x 163.600.000) = 26.544.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 469; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B.

Buộc ông Lăng Đức H phải trả cho bà Vũ Thị B số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 163.600.000 đồng.

Tổng số tiền mà ông Lăng Đức H phải trả cho bà Vũ Thị B là: 563.600.000 đồng *(năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Ông Lăng Đức H phải chịu 26.544.000 *đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Vũ Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền 14.200.000 đồng *(mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0000211 ngày 12-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị B và ông Lăng Đức H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS TP Yên Bái;
- THADS TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tạ Thị Kim Anh